

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2025

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Lương Anh
- Ông Phạm Quang Vinh

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 698/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Mỹ S, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 1, thôn Trường Thọ, xã T, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 2, thôn Phát Chi, xã T, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Doãn Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 1, thôn Trường Thọ, xã T, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà S có mặt, Ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Ngô Thị Mỹ S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau, vợ chồng ông bà kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã

Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn được 03 năm thì vợ chồng sống không có hạnh phúc lúc đó vợ chồng bà vẫn đang ở trọ. Vợ chồng bà vẫn ở cùng nhau cho đến 05 năm trở lại đây chồng bà bắt đầu ăn chơi, cờ bạc đánh đập hành hạ mẹ con bà, nhiều lần chồng bà nhậu về còn dùng hung khí đối với bà. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và bà đang sống cùng hai con. Trong thời gian ly thân chồng bà chưa một lần đến thăm nom hay xin lỗi mẹ con chị mà Ông T cũng không thấy sửa đổi thường xuyên đi nhậu thâu đêm suốt sáng. Nay bà xác định không còn tình cảm với Ông T nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà và Ông T được ly hôn.

Về con chung: Bà và Ông T có 02 con chung tên Doãn Văn Th sinh ngày 25/3/2012; Doãn Thị Tuyết V, sinh ngày 22/9/2014. Hiện tại hai con đang ở cùng bà. Nếu ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Bà yêu cầu Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng/02 con (tức mỗi con là 1.500.000đ/tháng).

- Về tài sản chung: Bà và Ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và Ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn Ông Doãn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà S tổ chức lễ cưới vào tháng 9/2011, đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Trại Hành, Đà Lạt. Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc trong thời gian được 13 năm. Gần đây vợ chồng mâu thuẫn do ông có đi uống rượu một tí nên vợ chồng cãi nhau. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân từ tháng 7/2024. Trong thời gian ly thân vợ chồng có tìm hiểu để khắc phục mâu thuẫn, có qua lại thăm hỏi nhau. Nay Bà S yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, ông đề nghị vợ chồng được đoàn tụ để cùng chăm lo cho con cái.

- Về con chung: Ông và Bà S có 02 con chung tên Doãn Văn Th, sinh ngày 25/3/2012; Doãn Thị Tuyết V, sinh ngày 22/9/2014. Hiện tại hai con đang ở cùng Bà S. Ông không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng cùng chăm lo cho con cái.

- Về tài sản chung: Ông T và Bà S không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: ông và Bà S không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn Bà S xác định mâu thuẫn giữa Bà S và Ông T đã trầm trọng kéo dài không thể khắc phục được, bà không còn tình cảm dành cho Ông T và vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn với Ông T. Về con chung Bà S xác định trong thời kỳ hôn nhân bà và Ông T có 02 con chung tên Doãn Văn Th, sinh ngày 25/3/2012; Doãn Thị Tuyết V, sinh ngày 22/9/2014, ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu Ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và Ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà và Ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, nêu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà S, cho Bà S và Ông T được ly hôn. Về con chung: Giao 02 con chung tên Doãn Văn Th, sinh ngày 25/3/2012; Doãn Thị Tuyết V, sinh ngày 22/9/2014 cho Bà S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi hai con thành niên. Không buộc Ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa Bà Ngô Thị Mỹ S và Ông Doãn Văn T kết hôn năm 2012, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, Bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông T nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn Ông T cư trú tại Đà Lạt, Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

Bị đơn Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và Ông T kết hôn với nhau năm 2012 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế. Theo trình bày của Bà S thì vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến 05 năm trở lại đây chồng bà bắt đầu ăn chơi cờ bạc đánh đập hành hạ mẹ con bà, nhiều lần chồng bà nhậu về còn dùng hung khí đối với bà. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Ông T cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2024. Tại phiên tòa, Bà S xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm gì với Ông T và kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay Ông T cũng vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà S và Ông T đã trầm trọng kéo dài, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà S, xử cho Bà S và Ông T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2.2] Về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân Bà S và Ông T thừa nhận ông bà có 02 con chung tên Doãn Văn Th, sinh ngày 25/3/2012; Doãn Thị Tuyết V, sinh ngày 22/9/2014. Hiện tại hai con đang ở cùng Bà S. Ly hôn Bà S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Ông T không đồng ý ly hôn nên ông không trình bày về phần con chung. Xét nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung của Bà S là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai cần đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của các con chung. Cụ thể, đối với con chung Doãn Văn Th, sinh ngày 25/3/2012; Doãn Thị Tuyết V, sinh ngày 22/9/2014 từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các con ở chung với Bà S. Hiện tại các con đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao các con chung cho Bà S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án Bà S yêu cầu Ông T phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng/02 con tuy nhiên tại phiên tòa Bà S không yêu cầu Ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà S và Ông T xác định vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà S và Ông T xác nhận ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Do đó, Toà án không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn Bà Ngô Thị Mỹ S đối với bị đơn Ông Doãn Văn T.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Ngô Thị Mỹ S và Ông Doãn Văn T được ly hôn.

2/ Về con chung: Bà Ngô Thị Mỹ S và Ông Doãn Văn T có 02 con chung tên Doãn Văn Th, sinh ngày 25/3/2012; Doãn Thị Tuyết V, sinh ngày 22/9/2014. Giao 02 con chung tên Doãn Văn Th, sinh ngày 25/3/2012; Doãn Thị Tuyết V, sinh ngày 22/9/2014 cho Bà Ngô Thị Mỹ S có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Bà S không yêu cầu Ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Bà Ngô Thị Mỹ S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) Bà S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001285 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, Bà S đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Dương sự;
- UBND TT xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Phương Chi